TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN CẨM LỆ - TP .	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2025/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 14 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 130/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Số B đường T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trần Bùi Thiện H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số B đường T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K kết hôn với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2002 ngày 11/03/2002). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông H và bà K về chung sống tại địa chỉ: Số B đường T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung đầu năm 2019 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp,vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù cùng chung sống trong một mái nhà nhưng vợ chồng phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai.Xét thấy, ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông H và bà K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K xác nhận có 03 con chung tên là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2003; Trần Thị Tú A, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 và Trần Thiện Anh K1, sinh ngày 14 tháng 10 năm

2011. Ly hôn vợ chồng thống nhất thoả thuận ông H sẽ là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thiện Anh K1, bà K sẽ là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Tú A cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Riêng cháu Trần Thị Thu H1 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H và bà K tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K xác nhận không có tài sản chung.

[3] Về nợ chung: Ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bùi Thiện H và bà Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Bùi Thiện H sẽ là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thiện Anh K1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2011cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị K sẽ là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Tú A, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Riêng cháu Trần Thị Thu H1, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị K và ông Trần Bùi Thiện H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị K và ông Trần Bùi Thiện H đã nộp theo biên lai thu số 0009668 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Bùi Thiện H đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang